FireAnt

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (UPCOM: DHB)

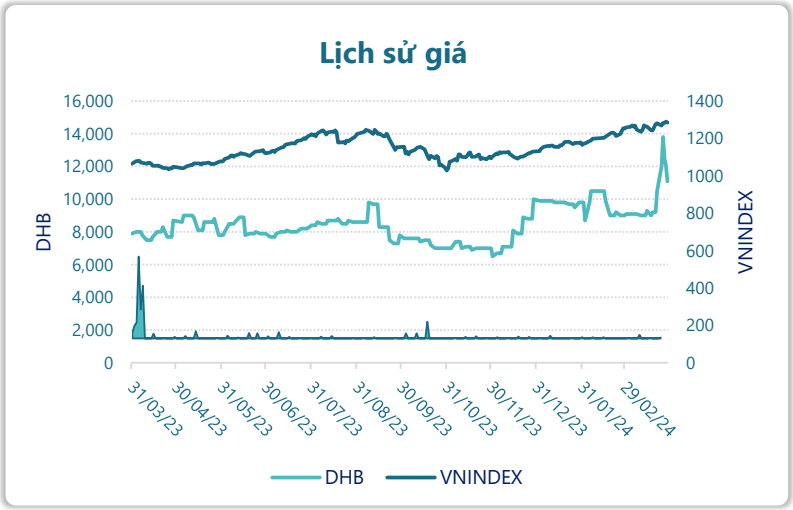

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,625
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,021
P/E	2.9
EPS	3,779

DT thuần

Q1/24

1,009

tỷ VNĐ

QoQ: ▼180| -15.1%

YoY: ▼176| -14.8%

LN sau thuế

Q1/24

38.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,611| -97.7%

YoY: ▲ 167| 130%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

34.0%

+/- YoY: ▼ 5.4%

DT thuần

2023

4,413

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,028| -31.5%

LN sau thuế

2023

858

tỷ VNĐ

YoY: ▼921| -51.8%

ROE

2023

478%

+/- YoY: ▲ 637%

Kết quả kinh doanh

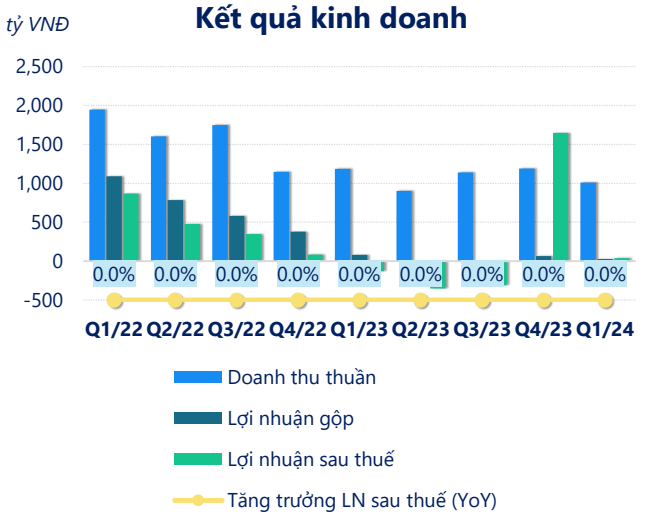

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

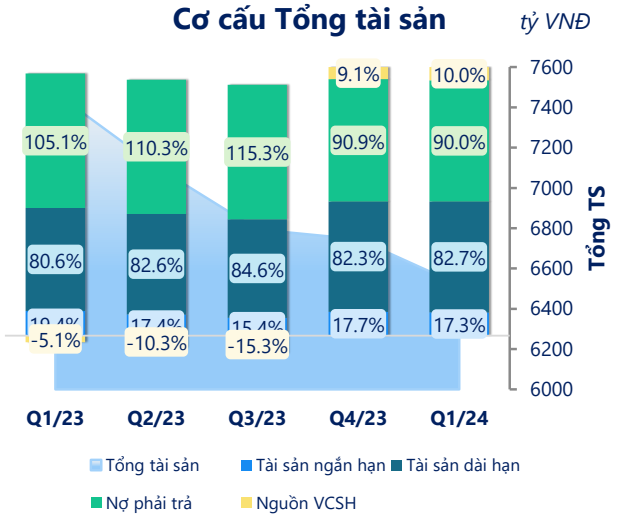

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

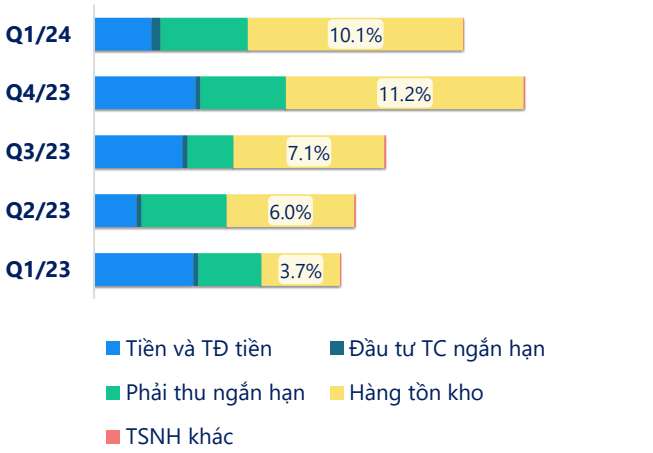

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

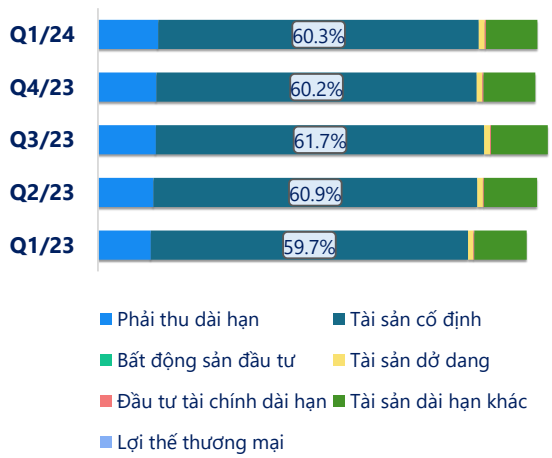

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

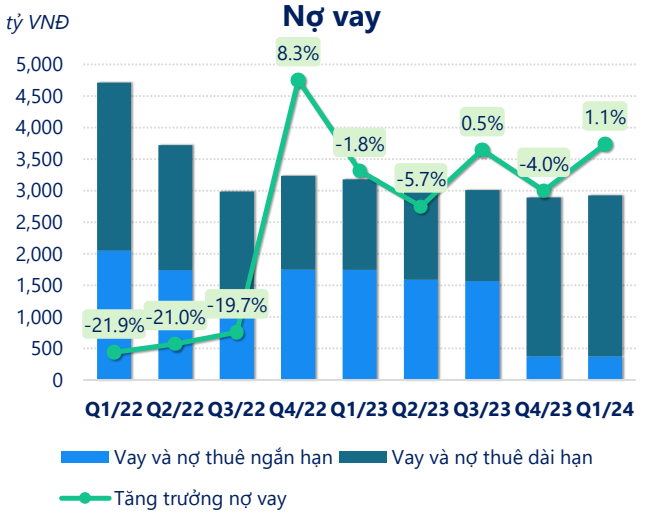

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

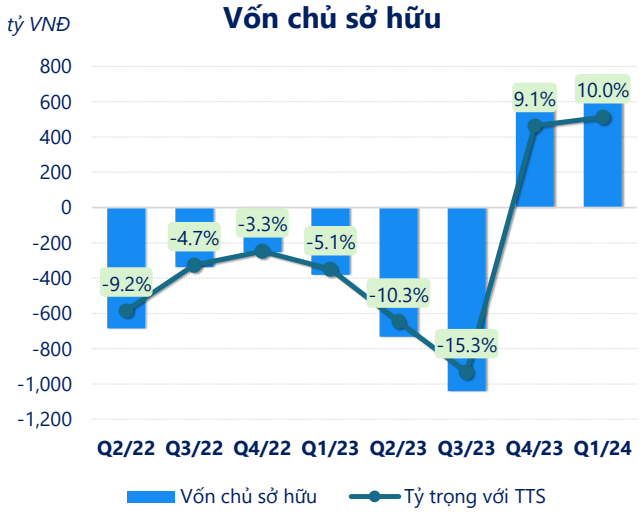

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

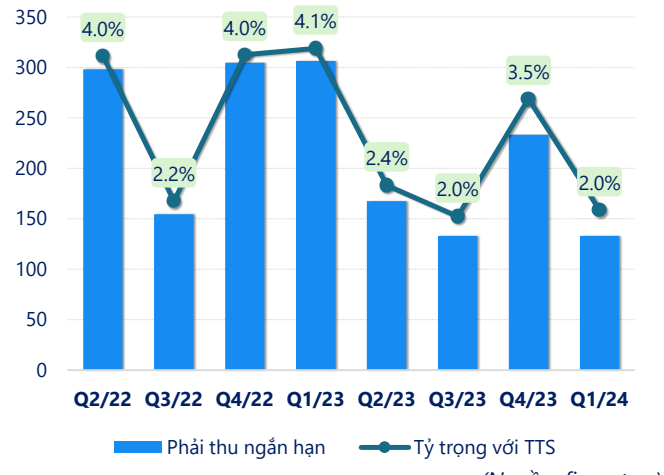

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

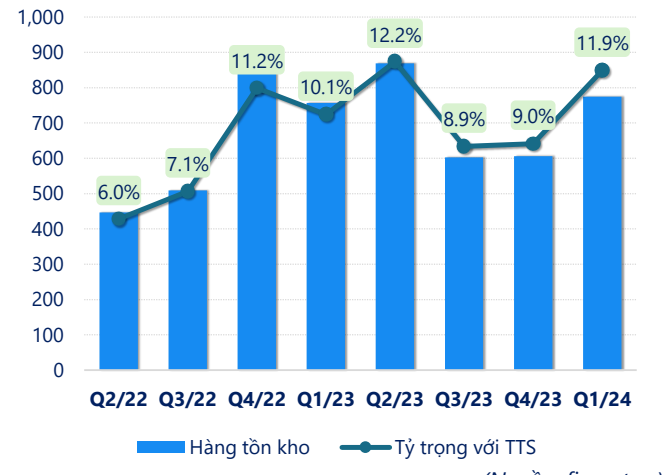

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

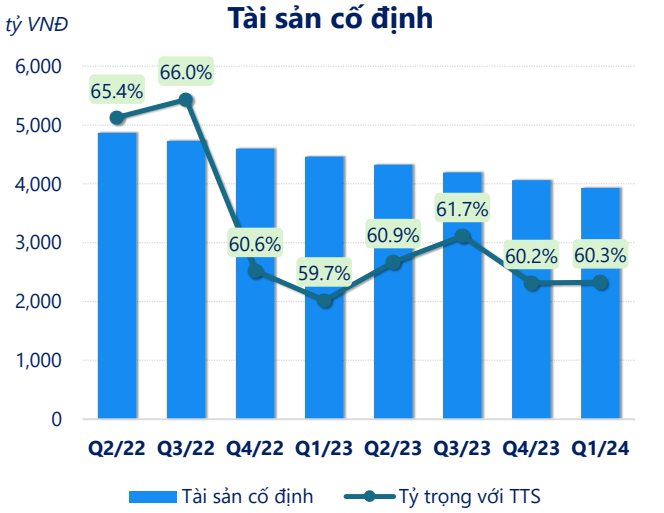

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

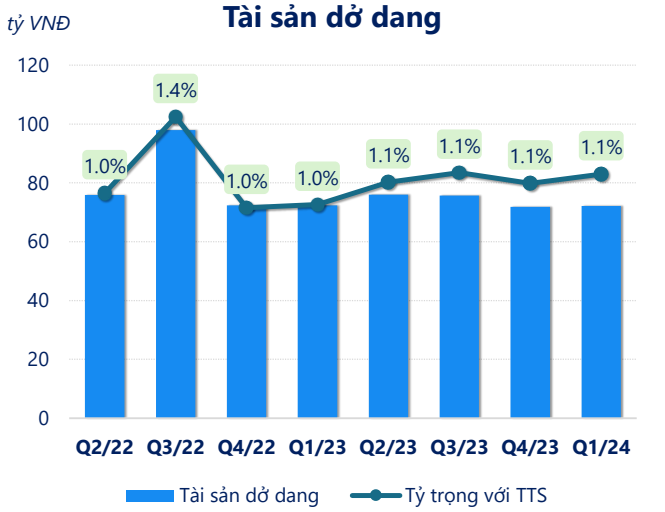

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

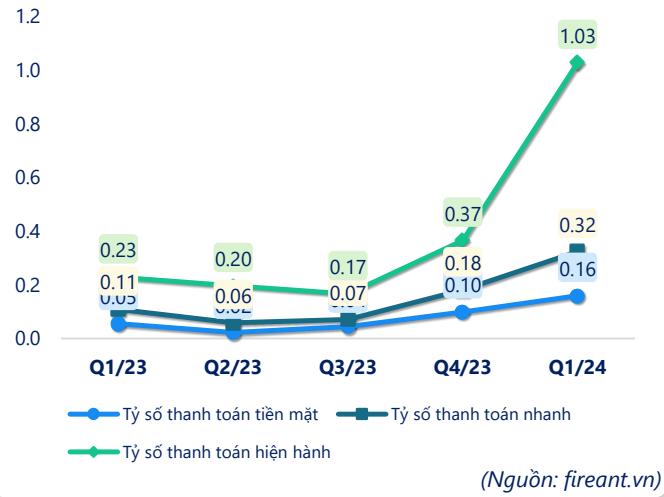

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

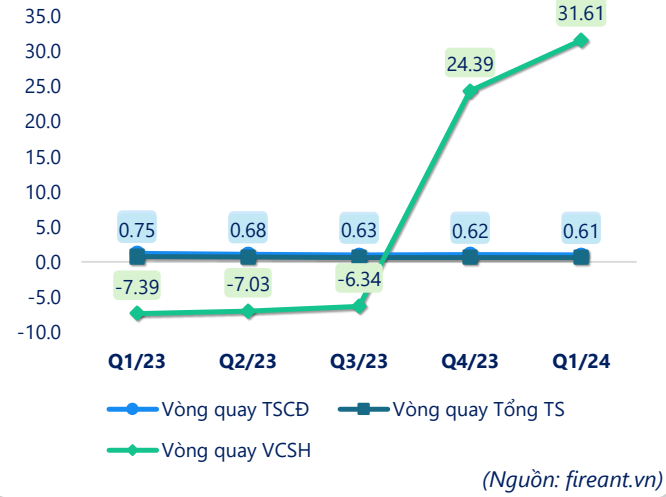

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**7,472**	**7,105**	**6,794**	**6,746**	**6,519**
Tài sản ngắn hạn	**1,448**	**1,238**	**1,048**	**1,197**	**1,131**
Tiền và tương đương tiền	349	141	282	322	175
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.0	48.0	18.0	18.0	18.0
Phải thu ngắn hạn	306	167	133	233	133
Hàng tồn kho	757	869	603	606	774
Tài sản ngắn hạn khác	2.68	12.1	12.5	17.9	29.9
Tài sản dài hạn	**6,024**	**5,867**	**5,746**	**5,549**	**5,388**
Phải thu dài hạn	741	741	741	741	741
Tài sản cố định	4,461	4,327	4,193	4,064	3,929
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	72.3	76.0	75.6	71.8	72.1
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	13.2	13.2	13.2
Tài sản dài hạn khác	736	710	724	659	633
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,854**	**7,837**	**7,835**	**6,131**	**5,869**
Nợ ngắn hạn	**6,349**	**6,308**	**6,317**	**3,277**	**1,100**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,744	1,590	1,563	374	374
Phải trả người bán ngắn hạn	344	446	330	415	381
Nợ dài hạn	1,505	1,529	1,518	2,854	4,768
Vay và nợ thuê dài hạn	1,433	1,404	1,446	2,515	2,548
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-382**	**-732**	**-1,041**	**614**	**650**
Vốn chủ sở hữu	**-382**	**-732**	**-1,041**	**614**	**650**
Vốn điều lệ	2,722	2,722	2,722	2,722	2,722
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)